TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2024/DS-ST
Ngày: 10 – 9 – 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Đạt Phương

Ông Huỳnh Mạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lý Thành Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2024/TLST–DS, ngày 07 tháng 6 năm 2024, về "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ: Số 128, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 47, đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 447/2024/UQ-SVN ngày 01/02/2024 – vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 1037, đường 30/4, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2024, đơn yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2024 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 9 năm 2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lam T trình bày:

Vào ngày 29/12/2023, ông Lâm S có đến Chi nhánh của Công ty TNHH S (nay là Công ty cổ phần S) để ký hợp đồng cầm cố tài sản, cụ thể là hợp đồng số STM231201027NA22X được ký giữa các bên ngày 29/12/2023, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia. Tài sản ký hợp đồng cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 83P4-492.13, loại xe Honda Vision 110cc F1 màu đen đỏ, số khung: RLHJK032XNZ017516, số máy: JK03E7637421, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000985 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/6/2022, số tiền cầm cố là 22.410.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng), thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 29/12/2023 – 29/12/2024) với mức lãi suất là 1.1%/tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Lâm S. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Lâm S mượn lại xe để sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 29/12/2023 đến 29/01/2024, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Sóc Trăng. Ông Lâm S có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe "hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thoả thuận". Trong quá trình trả nợ, ông Lâm S chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cho Công ty. Đến nay đã quá hạn, ông Lâm S không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2024, Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lâm S phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh Sóc Trăng với số tiền tạm tính đến ngày 06/4/2024 là 26.261.500 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn năm trăm đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 20.702.000 đồng, tiền lãi là 684.000 đồng, tiền phí quản lý hồ sơ là 311.000 đồng, phí mượn xe là 3.361.500 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 124.000 đồng, phí thanh lý trước hạn là 1.079.000 đồng. Ngoài ra ông Lâm S còn phải chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 29/12/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại Đơn yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện ngày 10/9/2024 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lam T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lâm S phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh Sóc Trăng với số tiền tính đến ngày 10/9/2024 là 22.371.961 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 20.702.000 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 30/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.669.961 đồng. Ngoài ra yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quá hạn kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ. Công ty cổ phần S không yêu cầu ông Lâm S thanh toán tiền phí quản lý hồ sơ là 311.000 đồng, phí mượn xe là 3.361.500 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 124.000 đồng, phí thanh lý trước hạn là 1.079.000 đồng.

Trường hợp ngay sau khi ông Lâm S thanh toán hết nợ gốc, lãi suất cho Công ty thì Công ty cổ phần S sẽ giao trả lại cho ông Lâm S bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 83P4-492.13, loại xe Honda Vision 110cc F1 màu đen đỏ, số khung: RLHJK032XNZ017516, số máy: JK03E7637421, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000985 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/6/2022 cho ông Lâm S.

* Bị đơn ông Lâm S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn ông Lâm S không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty cổ phần S yêu cầu ông Lâm S phải thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Lâm S cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lam T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Lâm S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Lam Tr, ông Lâm S và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Tại Đơn yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện ngày 10/9/2024 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lam T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Công ty cổ phần S chỉ yêu cầu ông Lâm S phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty cổ phần S - Chi nhánh Sóc Trăng với số tiền tính đến ngày 10/9/2024 là 22.371.961 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 20.702.000 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 30/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.669.961 đồng. Ngoài ra yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quá hạn kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S:

[4.1] Hợp đồng cầm cố số STM231201027NA22X ngày 29/12/2023 và Phụ lục hợp đồng cầm cố ngày 29/12/2023, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 29/12/2023 được ký kết giữa Công ty TNHH S (nay là Công ty cổ phần S) và ông Lâm S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký.

[4.2] Nguyên đơn Công ty cổ phần S yêu cầu bị đơn ông Lâm S phải trả cho Công ty cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 10/9/2024 là 22.371.961 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng) bao gồm tiền nợ gốc là 20.702.000 đồng, tiền lãi trong hạn kể từ ngày 30/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.669.961 đồng và tiền lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến cho đến khi thanh toán hết nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S đã thông báo hợp lệ cho ông Lâm S biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ông Lâm S không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định ông Lâm S có ký kết Hợp đồng cầm cố số STM231201027NA22X, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy, Giấy mượn xe cùng ngày 29/12/2023 với Công ty cổ phần S và được Công ty phê duyệt với số tiền là 22.410.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn cầm cố là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 29/12/2023 đến ngày 29/12/2024. Thời hạn thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn), thời hạn thanh toán lần đầu là ngày 29/01/2024. Trong quá

trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm S đã trả cho Công ty cổ phần S số tiền nợ gốc là 1.708.000 đồng (một triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng), lãi trong hạn 317.000 đồng (ba trăm mười bảy nghìn đồng), phí mượn xe là 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn đồng), phí quản lý hồ sơ là 112.000 đồng (một trăm mười hai nghìn đồng) và đến ngày 30/01/2024 thì không trả nữa. Ông Lâm S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng nên việc Công ty cổ phần S yêu cầu ông Lâm S trả số tiền nợ gốc còn lại là 20.702.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc, lãi suất tại hợp đồng cầm cố đã ký kết và quy định tại Điều 280, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.3] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Công ty cổ phần S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Hợp đồng cầm cố số TM231201027NA22X ngày 29/12/2023 được ký kết giữa Công ty cổ phần S và ông Lâm S, mức lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn (tương đương là 1.65%/tháng) được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định "*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự*" và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*." Tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định "*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015*". Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của nguyên đơn Công ty cổ phần S tại hợp đồng cầm cố phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn công ty cổ phần S yêu cầu tiền lãi suất trong hạn kể từ ngày 30/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/9/2024) với số tiền là 1.669.961 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng) và tiền lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến ngày thanh toán hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Nguyên đơn Công ty cổ phần S đồng ý trong trường hợp ngay sau khi ông Lâm S thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi suất, Công ty cổ phần S sẽ giao trả lại cho ông Lâm S bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 83P4-492.13, loại xe Honda Vision 110cc F1 màu đen đỏ, số khung: RLHJK032XNZ017516, số máy: JK03E7637421, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000985 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/6/2022 cho ông Lâm S. Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn ông Lâm S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 309, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Lâm S phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S tổng số tiền còn nợ là 22.371.961 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 20.702.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm lẻ hai nghìn đồng), lãi suất là 1.669.961 đồng (một triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lâm S còn phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần S mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố là 1.65%/tháng trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

2. Ngay sau khi bị đơn ông Lâm S thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho ông Lâm S bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 83P4-492.13, loại xe Honda Vision 110cc F1 màu đen đỏ, số khung: RLHJK032XNZ017516, số máy: JK03E7637421, chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000985 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/6/2022 cho ông Lâm Sung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 656.500 đồng (sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001751 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Lâm S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.118.598 đồng (một triệu một trăm mười tám nghìn năm trăm chín mươi tám đồng).

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Công ty cổ phần S và bị đơn ông Lâm S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lệ Hằng